NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM (CTG - HOSE)

BÁO CÁO CẬP NHẬT ĐHCĐ

TRUNG LẬP

Tăng trưởng mạnh tín dụng và cải thiện chất lượng tài sản

Nguyễn Xuân Hải

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Ngân hàng
Ngày báo cáo	: 28/04/2025
Giá hiện tại (VND/CP)	: 36.850
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 38.600
Tỷ lệ tăng (%)	**: 4,7%**
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 199.495
SLCPLH (Triệu CP)	: 5.370

DIỄN BIẾN GIÁ

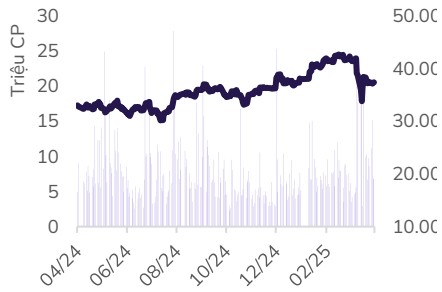

Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2023A	2024A
TT tín dụng (% svck)	15,5%	16,8%
TT huy động (% svck)	12,9%	13,9%
TT thu nhập lãi (% svck)	10,8%	17,8%
NIM (%)	2,86%	2,88%
LDR thuần (%)	96,6%	98,0%
NPL (%)	1,1%	1,2%
LLR (%)	167,2%	174,7%
Vốn NH cho vay TDH	N/A	N/A
CIR (%)	29,0%	27,5%

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Điểm chính của ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025

- **Kết quả kinh doanh 2024 của CTG tăng trưởng vượt kỳ vọng**. Cụ thể:

➢ Tổng thu nhập hoạt động đạt 81.909 tỷ (+16,1% svck). Động lực chính tới từ lãi thuần từ hoạt động tín dụng (+17,8% svck) và thu nhập từ hoạt động khác (+45,1% svck). Lợi nhuận trước thuế ghi nhận 31.764 tỷ đồng (+27,1% svck).

➢ **Thu nhập lãi thuần** năm 2024 đạt 62.403 tỷ đồng, (+17,8% svck). Trong đó:

- Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ (+16,8% YTD, +7,2% QoQ), đây cũng là mức tăng trưởng cao hơn so với trung bình toàn ngành (+15,1% YTD) nhưng thấp hơn tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng tư nhân niêm yết (+18,1% YTD). Động lực tăng trưởng chính đến từ cho vay khách hàng, trong khi dư nợ trái phiếu doanh nghiệp sụt giảm so với cuối năm 2023 (-14,2% YTD), chỉ đạt 3.922 tỷ. Đi ngược với với các ngân hàng khác, tăng trưởng ở nhóm khách hàng cá nhân đạt 21,9% svck cao hơn nhóm khách hành doanh nghiệp là 13,5%. Về lĩnh vực cho vay, CTG tập trung vào các ngành nghề sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên theo định hướng của chính phủ như: năng lượng, logistics, dệt may,...
- NIM trong cả năm 2024 đạt 2,88%, tăng nhẹ 2 điểm cơ bản so với năm 2023 nhưng vẫn ở mức thấp hơn trung bình NIM 5 năm gần nhất. Lãi suất sinh lời bình quân và chi phí vốn đều sụt giảm mạnh, lần lượt 141 điểm cơ bản và 147 điểm cơ bản so với năm 2023.

➢ Thu nhập ngoài lãi tăng trưởng khá tích cực đạt 19.506 tỷ đồng, +10,9% svck, trong đó ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ của thu nhập khác đạt 8.419 tỷ đồng (+45,1% svck), chủ yếu nhờ thu hồi từ các khoản nợ đã xử lý. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ đạt 6.696 tỷ đồng (-5,9% yoy) do hoạt động bán chéo bảo hiểm vẫn còn gặp nhiều thách thức và cơ cấu lại sản phẩm. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối giảm 1,2% do biến động bất lợi của tỷ giá tại một vài thời điểm trong năm.

➢ Chi phí hoạt động ghi nhận 22.545 tỷ (+10,3% svck), tương đương tỷ lệ CIR là 27,5% cả năm 2024, giảm năm thứ 5 liên tiếp. Đây là tỷ lệ CIR thấp nhất trong ngành ngân hàng hiện nay nhờ ngân hàng tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị, cơ cấu lại bộ máy nhân sự và tập trung vào các dự án thật sự hiệu quả.

➢ CTG tiếp tục trích lập thêm chi phí dự phòng ở mức cao kỷ lục trong ngành là 27.599 tỷ (+9,9% svck), đưa tỷ lệ bao phủ nợ xấu lên 170%, giúp CTG củng cố vị trí thứ 2 những ngân hàng có tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao nhất hệ thống. Theo lãnh đạo chia sẻ, ngân hàng trích lập dự phòng ở mức rất thận trọng, nhiều khoản theo quy định chưa phải trích lập nhưng ngân hàng đã trích lập.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CTG Q4/2024 & NĂM 2024

Chỉ tiêu (tỷ đồng, %)	4Q 2023	4Q 2024	% svck	2023	2024	% svck
Thu nhập lãi thuần	14.572	16.312	11,9%	52.957	62.403	17,8%
Thu nhập thuần ngoài lãi	3.903	4.973	27,4%	17.591	19.506	10,9%
Tổng thu nhập hoạt động	18.475	21.285	15,2%	70.548	81.909	16,1%
Chi phí hoạt động	6.304	6.570	4,2%	20.443	22.546	10,3%
CIR (%)	34,1%	30,9%		29,0%	27,5%	
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	4.473	2.464	-44,9%	25.115	27.599	9,9%
Lợi nhuận trước thuế	7.699	12.251	59,1%	24.990	31.764	27,1%
NIM (%)	3,06%	2,87%		2,86%	2,88%	
Chi phí tín dụng (%)	1,25%	0,59%		1,83%	1,73%	
ROA (%)	1,25%	1,70%		1,04%	1,15%	
ROE (%)	19,6%	27,1%		17,0%	18,5%	

Nguồn: CTG, ABS Research

- **Về chất lượng tài sản và các tỷ lệ an toàn hoạt động:**
  - Tại thời điểm 31/12/2024, tỷ lệ nợ xấu của CTG đạt 1,24%, tăng 11 điểm cơ bản so với năm 2023 nhưng giảm 23 điểm cơ bản so với quý 3, thấp thứ 2 toàn ngành. Đi sâu phân tích, chúng tôi thấy nợ xấu và nợ nhóm 2 lần lượt giảm 0,8% và giảm 1,1% so với quý trước. Trong năm 2024, CTG tích cực xử lý nợ xấu với 8,5 nghìn tỷ đồng nợ xấu đã được xóa. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu được cải thiện tăng lên mức 170% (cao thứ 2 toàn ngành) từ mức 153% nhờ tỷ lệ nợ xấu giảm giúp làm dày thêm bộ đệm dự phòng. Lãnh đạo ngân hàng cho biết, mục tiêu tiếp theo là hướng tới nâng tỷ lệ bao phủ nợ xấu lên trên 200%.
  - Tiền gửi khách hàng tăng trưởng mạnh (+15,2% YTD, +6,6% QoQ), đạt 151 nghìn tỷ đồng với tăng trưởng đến từ hầu hết các phân khúc. Tuy tăng trưởng tiền gửi vẫn thấp hơn tăng trưởng tín dụng là +16,8% nhưng CTG thuộc 1 trong những ngân hàng có mức chênh lệch giữa huy động và cho vay thấp nhất. Vì vậy, chúng tôi cho rằng CTG ít bị chịu áp lực tăng lãi suất huy động như các ngân hàng khác. Bên cạnh đó, tỷ lệ CASA tiếp tục hồi phục từ mức 22,0% lên mức 23,85% so với cùng kỳ, giúp ngân hàng giữ vững vị trí top 5 ngân hàng có tỷ lệ CASA cao nhất.

Kế hoạch năm 2025

- **CTG đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng cao trong khoảng 15-16%:**
  - CTG chưa công bố mục tiêu lợi nhuận, đồng thời cho biết sẽ thực hiện theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
  - CTG dự kiến tổng tài sản năm 2025 tăng trưởng từ 5%-10%. Tăng trưởng tín dụng sẽ theo hạn mức Ngân hàng Nhà nước phê duyệt là 15% và có thể lên 16% nếu tình hình thuận lợi.
  - Bên cạnh đó, ngân hàng sẽ kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 1,8%, tuân thủ các quy định của NHNN về các tỷ lệ an toàn hoạt động. ROE đạt 16-18%, ROA trên 1%, CIR duy trì quanh 30%, chi phí tín dụng kiểm soát dưới 2%.

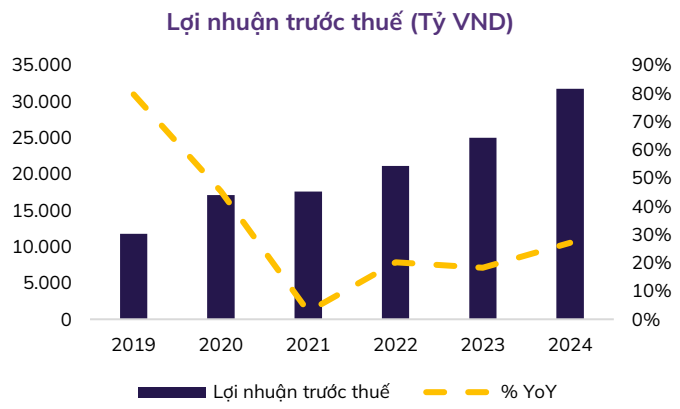

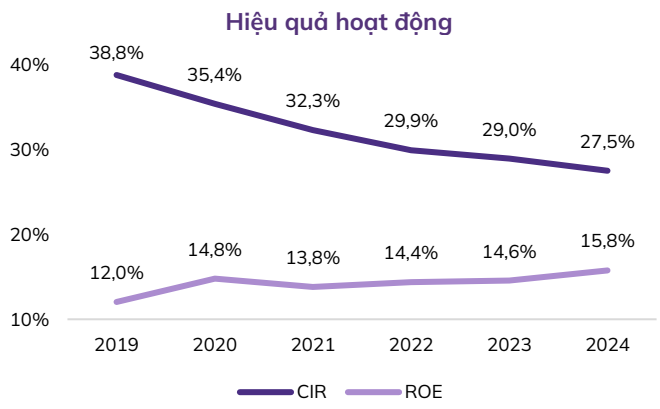

Nguồn: CTG, ABS Research

- **Về phương án phân phối lợi nhuận và tăng vốn**

  - CTG dự kiến phát hành tối đa gần 2,4 tỷ cổ phiếu (tỷ lệ 44,64%) để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến hơn 23.971 tỷ đồng. Nguồn thực hiện từ lợi nhuận còn lại sau khi phân phối năm 2021, 2022 và giai đoạn 2009-2016. Nếu phát hành thành công, vốn điều lệ của CTG sẽ tăng lên 77.671 tỷ đồng từ mức 53.700 tỷ đồng hiện tại. Số vốn tăng thêm dự kiến được dùng cho hoạt động tín dụng, đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ, phát triển dịch vụ ngân hàng, đồng thời giúp nhà băng cải thiện năng lực tài chính, hệ số an toàn vốn và mở rộng quy mô hoạt động. Đây là kế hoạch chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ cao nhất tại VietinBank. Trước đó, ngân hàng chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 11,74% vào năm 2023 và ngân hàng chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 29% vào năm 2021.

  - Ngoài ra, CTG dự kiến chia cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu với tổng giá trị gần 15,597 tỷ đồng, tương ứng lợi nhuận còn lại sau trích lập các quỹ và quỹ phúc lợi - khen thưởng nhưng cần chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

Về kết quả kinh doanh và một số chỉ số trong quý 1/2025

  - Tính đến hết quý 1, lợi nhuận trước thuế quý 1/2025 tăng 6% so với cùng kỳ 2024, tăng trưởng tín dụng đạt 4,7%. Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức khoảng 1.3% và dự kiến sẽ giảm dưới mức này trong quý 2.

  - Tính đến ngày 15/04/2025, tổng tài sản VietinBank đạt khoảng 2.5 triệu tỷ đồng, tăng 3.9% so với đầu năm. Dư nợ tín dụng đạt khoảng 1.8 triệu tỷ đồng, tăng 4.7%. Huy động vốn riêng lẻ đạt 2.3 triệu tỷ đồng, tăng 6%. Nợ xấu theo Thông tư 31 hiện ở mức 1.36%-1.46%, còn theo cách tính thông thường là 1.66%. Lợi nhuận trước thuế riêng lẻ ước đạt 9,417 tỷ đồng, tăng 19.6% so với cùng kỳ năm 2024. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hiện nay đạt 9.5%. Ngân hàng đặt mục tiêu CAR trong năm 2025 từ 9% đến 10%.

- **Về định hướng dài hạn**

  - Ngân hàng muốn giảm đóng góp của tín dụng chỉ còn 50% trong kết quả kinh doanh của ngân hàng, còn 50% còn lại đến từ hệ sinh thái - bao gồm công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, quản lý quỹ... và các hoạt động thu phí.

  - Bên cạnh đó, ngân hàng đặt kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số. Ngân hàng chuẩn bị triển khai dự án cho vay tín chấp hoàn toàn tự động dành cho khách hàng trả lương qua VietinBank thông qua nền tảng iPay.

Tổng thu nhập hoạt động – LNTT

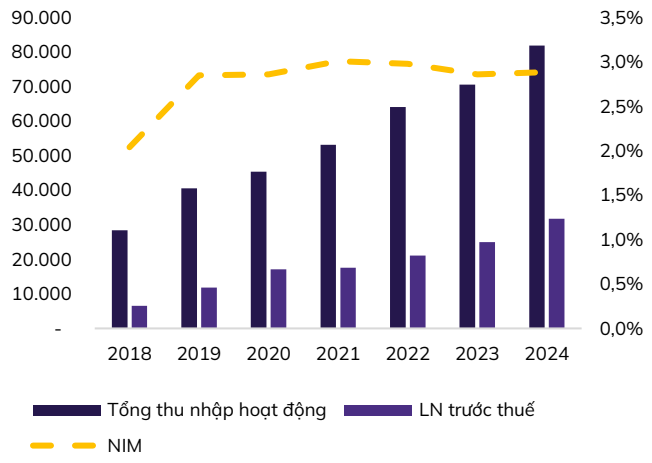

Cơ cấu tổng thu nhập của CTG

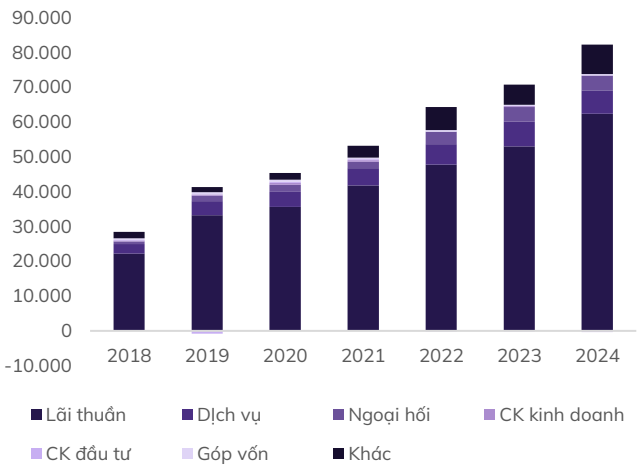

Nguồn: CTG, ABS Research

Đánh giá của ABS Research

- **Chúng tôi cho rằng kết quả kinh doanh năm 2025 của CTG sẽ tiếp tục tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ do các yếu tố:**

➢ CTG có thể đạt tốc độ tăng trưởng tín dụng khá tích cực từ 15 - 16% cho năm 2025, với động lực đến từ phân khúc chiến lược là bán lẻ đang phục hồi tốt, đặc biệt là mảng khách hàng cá nhân khi CTG đang có lợi thế về chi phí vốn thấp và địa bàn hoạt động phủ rộng khắp cả nước. Tuy nhiên, những bất ổn bên ngoài, đặc biệt là chính sách của tổng thống Donald Trump có thể tác động tiêu cực đến kinh tế toàn cầu, từ đó ảnh hưởng đến Việt Nam và các ngân hàng, trong đó có CTG.

➢ Tuy NIM của CTG có sự sụt giảm trong Q4/2024, nhưng tính chung cả năm 2024 NIM của CTG đươc cải thiện 2 điểm cơ bản. Với việc từ năm 2019 tới nay, NIM của CTG luôn được duy trì ổn định bất chấp những tác động của bên ngoài, chúng tôi kỳ vọng NIM chịu áp lực trong những tháng đầu năm nhưng bắt đầu hồi phục nhẹ trong nửa cuối năm 2025 với động lực tới từ cả hai chiều huy động và cho vay. Bên cạnh đó, CASA có xu hướng cải thiện dần qua các quý nhờ các dịch vụ thanh toán phục vụ khách hàng khi các dự án đầu tư công được đẩy mạnh, là các lĩnh vực Vietinbank có ưu thế.

➢ Chất lượng tài sản được tiếp tục duy trì ở mức tốt nhờ sự hồi phục của nền kinh tế đi cùng với các hoạt động sản xuất kinh doanh và thị trường bất động sản dần ấm lên. Ngân hàng đặt mục tiêu kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 1.8%, nhưng chúng tôi cho rằng nợ xấu trong năm 2025 chỉ rơi vào mức khoảng dưới 1,5%. Mặc dù vậy, với những khó khăn về vĩ mô khi Việt Nam phải đối mặt với mức thuế quan cao khi xuất khẩu vào Mỹ, rủi ro phát sinh nợ xấu mới tăng lên khiến CTG có thể gia tăng áp lực trích lập dự phòng.

➢ Dựa trên kế hoạch của CTG và những khó khăn ngành ngân hàng sắp tới phải đối mặt, chúng tôi điều chỉnh lại ước tính LNTT của CTG trong năm 2025 là 36.158 tỷ đồng (+13,8% svck). Theo đó, chúng tôi ước tính EPS của công ty trong năm 2025 là 5.387 đồng/cổ phiếu, P/E 2025F ở mức 6,8x tại mức giá hiện tại. BVPS năm 2025 dự kiến đạt 32.166 đồng/cổ phiếu, P/B 2025F ở mức 1,15x lần tại mức giá hiện tại. ROE 2025F dự kiến là 16,7%.

➢ Chúng tôi đưa ra mức giá mục tiêu mới cho cổ phiếu CTG là **38.600 VNĐ/CP**, tương đương với P/B 2025F ở mức 1,2x thấp hơn P/B trung bình 3 năm là 1,32x (điều chỉnh từ mức giá mục tiêu 44.500 VNĐ/CP trong báo cáo chiến lược đầu năm). Chúng tôi hạ khuyến nghị từ **MUA** xuống **TRUNG LẬP** với tiềm năng tăng giá 4,7%.

PHỤ LỤC: KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CỦA CTG

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	84.628	104.665	132.672	124.461
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(42.840)	(56.873)	(79.714)	(62.058)
Thu nhập lãi thuần	41.788	47.792	52.957	62.403
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	9.573	11.549	12.385	12.233
Chi phí hoạt động dịch vụ	(4.612)	(5.687)	(5.271)	(5.537)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.961	5.862	7.114	6.696
Lãi thuần từ hoạy động kinh doanh ngoại hối	1.812	3.556	4.248	4.197
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	496	(112)	293	92
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	224	(30)	(154)	(288)
Thu nhập từ hoạt động khác	4.516	7.507	7.080	10.688
Chi phí hoạt động khác	(1.118)	(969)	(1.277)	(2.269)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	3.398	6.538	5.803	8.419
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	477	512	287	391
Tổng thu nhập hoạt động	**53.157**	**64.117**	**70.548**	**81.909**
Chi phí hoạt động	(17.186)	(19.195)	(20.443)	(22.546)
LN thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng	35.971	44.922	50.105	59.363
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(18.382)	(23.791)	(25.115)	(27.599)
Tổng lợi nhuận trước thuế	17.589	21.132	24.990	31.764
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.374)	(4.148)	(4.945)	(6.281)
Lợi nhuận sau thuế	**14.215**	**16.984**	**20.045**	**25.483**
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(127)	(60)	(141)	(134)

An toàn vốn	2021	2022	2023	2024
VCSH/TTS	6,1%	5,9%	6,2%	6,2%
VCSH/ Cho vay khách hàng	8,2%	8,4%	8,5%	8,6%

An toàn vốn	2021	2022	2023	2024
NPL	1,3%	1,2%	1,1%	1,2%
Dự phòng bao nợ xấu	180,4%	185,9%	167,2%	171,7%

Hiệu quả hoạt động	2021	2022	2023	2024
CIR	32,3%	29,9%	29,0%	27,5%
Thu nhập lãi thuần/ Tổng thu nhập	78,6%	74,5%	75,1%	76,2%
Thu nhập ngoài lãi/ Tổng thu nhập	21,4%	25,5%	24,9%	23,8%

Lợi nhuận	2021	2022	2023	2024
NIM	3,0%	3,0%	2,9%	2,9%
Thu nhập ngoài lãi/lãi thuần từ HĐKD	21,4%	25,5%	24,9%	23,8%
ROA	1,0%	1,0%	1,0%	1,2%
ROE	15,7%	16,8%	17,0%	18,5%

Thanh khoản	2021	2022	2023	2024
LDR thuần	93,1%	95,5%	96,9%	98,2%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	11.331	11.067	9.760	11.148
Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam	23.383	29.727	40.597	34.432
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	149.317	242.432	279.842	378.483
Chứng khoán kinh doanh	2.475	1.406	2.488	2.799
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	1.455	3.059	0	0
Cho vay khách hàng	**1.104.873**	**1.245.430**	**1.445.572**	**1.685.291**
Chứng khoán đầu tư	177.545	180.313	181.211	214.607
Đầu tư dài hạn	3.290	3.519	3.426	3.934
Tài sản cố định	10.496	10.203	10.126	10.002
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
Tài sản Có khác	47.423	81.654	59.593	44.693
Tổng tài sản	**1.531.587**	**1.808.811**	**2.032.614**	**2.385.388**
Các khoản nợ NHNN	33.294	104.779	21.814	154.284
Tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng khác	138.834	209.430	304.322	276.141
Tiền gửi của khách hàng	1.161.848	1.249.176	1.410.899	1.606.317
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	0	0	556	391
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư của Chính phủ và các tổ chức tín dụng khác	2.528	2.392	2.238	2.180
Phát hành giấy tờ có giá	64.497	91.370	115.376	151.678
Các khoản nợ khác	36.937	43.347	51.537	45.892
Tổng nợ phải trả	**1.437.938**	**1.700.495**	**1.906.742**	**2.236.883**
Vốn	57.548	57.868	63.511	63.584
Dự phòng	13.673	16.075	19.044	25.317
Chênh lệch tỷ giá	245	121	87	243
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0	0	0
Lợi nhuận chưa phân phối	21.488	33.513	42.369	58.390
Tổng vốn chủ sở hữu	**92.955**	**107.577**	**125.011**	**147.534**
Lợi ích của cổ đông thiểu số	695	739	861	971
Tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi ích của cổ đông thiểu số	**1.531.587**	**1.808.811**	**2.032.614**	**2.385.388**

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2021	2022	2023	2024
Huy động	17,3%	7,5%	12,9%	13,9%
Tín dụng	11,1%	12,1%	15,5%	16,8%
Tổng tài sản	14,2%	18,1%	12,4%	17,4%
Vốn chủ sở hữu	9,6%	15,7%	16,2%	18,0%
Thu nhập lãi thuần	17,5%	14,4%	10,8%	17,8%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	17,2%	20,6%	10,0%	16,1%
Chi phí hoạt động	6,9%	11,7%	6,5%	10,3%
Lợi nhuận trước thuế	2,7%	20,1%	18,3%	27,1%
Lợi nhuận sau thuế	3,1%	19,5%	18,0%	27,1%

Định giá (lần)	2021	2022	2023	2024
EPS (đồng/cp)	2.525	3.491	3.706	4.719
BVPS (đồng/cp)	19.342	22.354	23.279	27.742
P/E	11,53	9,22	10,25	8,66
P/B	1,50	1,44	1,63	1,47

Nguồn: FiinPro, CTG, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn

Hàng tiêu dùng, Bán lẻ

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn